TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS - ST
Ngày: 14-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Ông Thân Văn Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-DS ngày 29/5/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST- DS ngày 03/9/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST- DS ngày 21/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Xuân P, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Tống Ngọc M, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Phùng Xuân P (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là anh Phùng Xuân P trình bày:

Ngày 10/5/2019, anh và anh Tống Ngọc M thỏa thuận về việc vay tiền. Khi giao kết hợp đồng, hai bên có lập biên bản tiêu đề "giấy vay tiền" do anh M trực tiếp viết. Nội dung hai bên thỏa thuận như sau: anh cho anh M vay số tiền là 70.000.000 đồng. Mục đích vay để anh M lo công việc gia đình. Thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 10/5/2019. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Sau khi thống nhất thỏa thuận xong, anh trực tiếp giao số tiền 70.000.000 đồng cho anh M. Khi cho vay, chỉ có anh và anh M giao dịch với nhau còn không ai chứng kiến.

Số tiền anh cho anh M vay là tài sản chung của vợ chồng anh. Anh xác định chị Xuân vợ anh M không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa anh và anh M.

Hết hạn trả nợ, anh M không trả anh số tiền đã vay. Anh đã gọi điện và nhiều lần đến nhà anh M yêu cầu anh phải trả tiền nhưng anh M xin khất nợ. Đến khi anh làm đơn kiện, anh M vẫn không trả anh khoản tiền vay nào.

Anh đề nghị Tòa án buộc anh M phải trả cho vợ chồng anh số tiền 70.000.000 đồng. Anh không yêu cầu anh M phải trả lãi.

Bị đơn là anh Tống Ngọc M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Xuân đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, anh P giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 463, Điều 465, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 25 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là anh Tống Ngọc M phải trả vợ chồng anh Phùng Xuân P, chị Nguyễn Thị Hạ số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay. Xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn huyện V vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Thời hạn trả nợ là ngày 10/7/2019, thời điểm nguyên đơn khởi kiện vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về áp dụng pháp luật: Thời điểm giao kết hợp đồng vào ngày 10/5/2019, là thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp.

[2] Về nội tranh chấp:

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Lời khai của nguyên đơn về nội dung, hình thức hợp đồng, mục đích vay và ý chí chủ quan của các bên phù hợp với giấy vay tiền ngày 10/5/2019. Bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, xuất trình chứng cứ mặc dù đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, được xác định là từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng khi giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng nực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với pháp luật, mục đích giao dịch không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Phù hợp với quy định tại Điều 117, 463, 465 Bộ luật dân sự 2015.

Về việc thực hiện hợp đồng: Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi hết thời hạn cho vay, vi phạm Điều 466, 471 Bộ luật dân sự 2015, vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định số tiền anh P cho anh M vay là tài sản chung của vợ chồng anh P. Và chỉ yêu cầu một mình anh M có trách nhiệm trả nợ. Do đó cần buộc anh Tống Ngọc M phải trả cho anh Phùng Xuân P và chị Nguyễn Thị Hạ số tiền 70.000.000 đồng.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Tống Ngọc M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271;273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 463, Điều 465, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 25 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là anh Tống Ngọc M phải trả vợ chồng anh Phùng Xuân P, chị Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng (Bẩy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Tống Ngọc M phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Phùng Xuân P 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0001166 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Thân Văn Hiếu